TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 02 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST-ST, ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 2002; căn cước công dân số: 034302008728, cấp ngày: 22/12/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên, "vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt".

*** Người được nguyên đơn uỷ quyền giao, nhận các văn bản tố tụng:** Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, phường H, tỉnh Tuyên Quang (văn bản uỷ quyền lập ngày 20/10/2025), "vắng mặt".

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 002098003390, cấp ngày: 13/9/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, "vắng mặt lần 2".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2025, bản tự khai ngày 27/10/2025 và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T1 tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 20/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chị đi làm Công ty, thuê nhà trọ chung sống cùng nhau tại thành phố Hải Phòng, đến ngày 26/12/2022 anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, làm việc tại Công ty D chỉ xoắn sợi D, địa chỉ cụ thể thì chị không biết. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng ba năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; dẫn đến mỗi khi liên lạc với nhau lại xảy ra cãi vã nhau, từ đó anh T1 gọi điện về chỉ nói chuyện với con và gửi tiền cho con mà thôi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có hạnh phúc, kể từ thời gian đi xuất khẩu lao động tháng 12 năm 2022 anh T1 không về nhà lần nào, ở Đài Loan anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình cho bố, mẹ, anh em qua mạng xã hội như Z, F và M và gửi tiền cho gia đình thông qua tài khoản Ngân hàng; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 27/7/2020. Hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Hoàng Văn T1 được. Mọi vấn đề chị đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời chị cam kết sẽ thi hành nghiêm chỉnh mọi quyết định của Toà án. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, trong các phiên toà xét xử vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh T1.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T1 hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Lý Thị C, sinh năm 1979 (*là bố mẹ đẻ của anh T1*) cùng trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang đồng thời Toà án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hoàng Văn T1 thông qua ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị C.

Theo ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị C xác nhận anh Hoàng Văn T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, gia đình chỉ nắm được thông tin là anh T1 đi xuất khẩu lao động qua Công ty dệt chỉ xoắn

sợi Doanh M1 khoảng tháng 12 năm 2022. Ông Đ, bà C cho biết trong quá trình lao động ở nước ngoài anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng xã hội như Z, F và M mỗi tháng anh T1 gọi khoảng 2-3 lần, anh T1 chỉ liên lạc qua mẹ đẻ là bà C, còn bố anh là ông Đ không biết sử dụng điện thoại. Trong thời gian đi xuất khẩu lao động, anh T1 chưa về thăm nhà lần nào. Ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị C xác nhận ngay sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ chuyển giao cho anh T1 bằng cách chụp ảnh gửi qua Z và anh T1 không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Chuyên viên Văn phòng UBND - HĐND phụ trách lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch xã X, tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau: Chị Lê Thị T và anh Hoàng Văn T1 tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2020, trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã X, tỉnh Tuyên Quang). Về mâu thuẫn gia đình: Sau khi kết hôn anh Hoàng Văn T1 và chị Lê Thị T cùng nhau xin đi làm Công ty luôn, không sinh sống tại địa phương nên chính quyền Ủy ban nhân dân xã X không nắm được thông tin; tuy nhiên trong sổ hộ khẩu của gia đình vẫn có tên anh T1 và chị T. Việc anh Hoàng Văn T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chính quyền Ủy ban nhân dân xã X không nắm được thông tin.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Công an xã X, tỉnh Tuyên Quang cho biết: Trước khi xuất cảnh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh T1 có ở cùng với bố mẹ là ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị C tại địa chỉ thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn T1 hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài loan, anh T1 ở Đài Loan chỉ liên lạc về với bố mẹ anh T1 là ông Đ và bà C qua điện thoại, anh T1 không thông báo địa chỉ cụ thể ở Đài Loan cho bố mẹ anh T1 cũng như cho Công an xã, nên Công an xã không biết địa chỉ cụ thể ở Đài loan của anh T1.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1; Về việc nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 27/7/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Hoàng Văn T1 không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Lê Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì hiện tại anh Hoàng Văn T1 đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang, hiện tại anh Hoàng Văn T1 đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:

[3] Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do công việc và điều kiện đi lại khó khăn, nên chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

[4] Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T1: Ngay sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị C (*là bố mẹ đẻ của anh T1*), đồng thời Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ, bà C. Ông Đ, bà C xác nhận là anh T1 hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, anh T1 thường xuyên liên lạc về gia đình thông qua mạng xã hội; Toà án đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Đ, bà C không cung cấp địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan cho Toà án; ông Đ, bà C nhất trí chuyển giao các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T1. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình, xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T1 theo thủ tục chung.

[5] Từ những căn cứ nêu trên HĐXX căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị T, bị đơn anh Hoàn Văn T2.

[6] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Hoàn Văn T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã X, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị T và anh T2 là hợp pháp.

[7] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng ba năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; dẫn đến mỗi khi liên lạc với nhau lại xảy ra cãi vã nhau, từ đó anh T2 gọi điện về chỉ nói chuyện với con và gửi tiền cho con mà thôi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có hạnh phúc, kể từ thời gian đi xuất khẩu lao động tháng 12 năm 2022 anh T2 không về nhà lần nào.

Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T2 nhưng anh T2 vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị T. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T2. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

[8] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 27/7/2020 hiện nay đang sinh sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T đang nuôi cháu H, anh T2 hiện đang đi lao động tại Đài Loan. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu H, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và G, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi trở về địa phương anh T2 được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[9] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 27/7/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh T1, chị T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000929, ngày 21/10/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Xuân Giang, tỉnh Tuyên Quang nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh